

[English below]

1. Ngày giờ áp dụng

Chặng bay	Ngày trong tuần áp dụng
Hà Nội- Đà Nẵng/Tuy Hòa/Vân Đồn/Huế/Nha Trang; Tp. Hồ Chí Minh- Đà Nẵng/Đà Lạt/Huế/Phú Quốc/Quy Nhơn/Hải Phòng/Vân Đồn/Vinh/Thanh Hóa; Đà Nẵng- Đà Lạt	Thứ 2, thứ 3, thứ 4, Chủ nhật
Đà Nẵng/Tuy Hòa/Vân Đồn/Huế/Nha Trang- Hà Nội;Đà Nẵng/Đà Lạt/Huế/Phú Quốc/Quy Nhơn/Hải Phòng/Vân Đồn/Vinh/Thanh Hóa- Tp. Hồ Chí Minh; Đà Lạt- Đà Nẵng	Thứ 4, thứ 5, thứ 6

2. Chuyến bay áp dụng

Chặng bay (v.v)	Chuyến bay áp dụng
Hà Nội-Tp. Hồ Chí Minh	205/243/221/7213/267/6025/7253/7255/6002/206/260/224/290/270/7208/7210/7229
Hà Nội-Đà Nẵng	7087/7197/7183/7155/7086/7182/7178
Tp. Hồ Chí Minh-Đà Nẵng	7124/7106/6518/7136/6519/7135/101/7139/7105/6529/7115
Hà Nội-Tuy Hòa	7651/7650
Hà Nội-Vân Đồn	7591/ 7593/7592/7590
Hà Nội-Huế	1541/ 7545/1540/ 7544
Hà Nội-Nha Trang	7551/ 7557/7061/7063/7550/ 7558/7556/7060/ 7062
Tp. Hồ Chí Minh-Đà Lạt	1380/7382/1381/ 7383
Tp. Hồ Chí Minh-Huế	1366/1378/1367/ 1377/ 1379
Tp. Hồ Chí Minh-Phú Quốc	7821/6501/1821/1835/7820/ 6500/ 1820/ 1834
Tp. Hồ Chí Minh-Quy Nhơn	1392/1393
Tp. Hồ Chí Minh-Hải Phòng	1188/7188/1171

Tp. Hồ Chí Minh-Vân Đồn	1286
Tp. Hồ Chí Minh-Vinh	1280/1281/1260
Thanh Hóa-Tp. Hồ Chí Minh	1279
Đà Lạt-Đà Nẵng	1954

1. Applicable Date and Time:

Sector	Applicable weekdays
Hanoi – Da Nang/Tuyhoa/Vandon/Hue/Nhatrang; Ho Chi Minh City - Da Nang/Dalat/Hue/Phuquoc/Quynhon/Haiphong/Vandon/Vinh/Thanhhoa; Da Nang - Dalat	Monday, Tuesday, Wednesday, Sunday
Da Nang/Tuyhoa/Vandon/Hue/Nhatrang-Hanoi;Da Nang/Dalat/Hue/Phuquoc/Quynhon/Haiphong/Vandon/Vinh/Thanhhoa - Ho Chi Minh City; Dalat – Da Nang	Wednesday, Thursday, Friday

2. Applicable Flights:

Sector (v.v)	Applicable flights
Hanoi-Ho Chi Minh City	205/243/221/7213/267/6025/7253/7255/6002/206/260/224/290/270/7208/7210/7229
Hanoi-Da Nang	7087/7197/7183/7155/7086/7182/7178
Ho Chi Minh City-Da Nang	7124/7106/6518/7136/6519/7135/101/7139/7105/6529/7115
Hanoi-Tuyhoa	7651/7650
Hanoi-Vandon	7591/ 7593/7592/7590
Hanoi-Hue	1541/ 7545/1540/ 7544
Hanoi-Nhatrang	7551/ 7557/7061/7063/7550/ 7558/7556/7060/ 7062
Ho Chi Minh City-Dalat	1380/7382/1381/ 7383
Ho Chi Minh City-Hue	1366/1378/1367/ 1377/ 1379
Ho Chi Minh City-Phuquoc	7821/6501/1821/1835/7820/ 6500/ 1820/ 1834
Ho Chi Minh City-Quynhon	1392/1393
Ho Chi Minh City-Haiphong	1188/7188/1171
Ho Chi Minh City-Vandon	1286

Ho Chi Minh City-Vinh	1280/1281/1260
Thanhhoa-Ho Chi Minh City	1279
Dalat-Da Nang	1954